

Bản án số: 76/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 9 - 2017

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thịnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Thế Sang**.

2. Bà **Phạm Thị Liễu**.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Luật – Kiểm sát viên.

Ngày 05 /9/2017, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2017/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2017 về việc: “Ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2017/QĐST- HNGĐ ngày 01/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2017/QĐST- HNGĐ ngày 18/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1956.

Bị đơn: Bà Châu Bích N, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: Tổ 5, ấp 6, xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

(Tại phiên tòa có mặt ông L, bà N)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/3/2017, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay ý kiến của nguyên đơn ông Lê Văn L:

Ông và bà Châu Bích N tự tìm hiểu yêu thương và kết hôn với nhau vào năm 1984. Hôn nhân của ông bà được Ủy ban nhân dân xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/11/2002. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn sự tin tưởng nhau. Vào tháng 8/2016, ông đã làm đơn yêu cầu ly hôn tại Tòa án nhưng đã rút đơn để vợ chồng có thể hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng khi về chung sống lại vợ chồng vẫn không thể hòa hợp được. Do đó, cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay tình cảm không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Châu Bích N.

- Về con chung: Ông và bà N có 03 con chung là: Lê Kim N1, sinh năm 1985; Lê Kim D, sinh năm 1987, Lê Kim T, sinh năm 1989. Hiện nay các cháu

đã thành niên và có khả năng lao động nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông L khai báo ông và bà N tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông L khai báo ông và bà N không vay nợ ai và không ai vay nợ ông bà nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản riêng, nợ riêng: Ông L khai báo không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay ý kiến của bị đơn bà Châu Bích N:

Bà và ông Lê Văn L tự tìm hiểu yêu thương và kết hôn với nhau vào năm 1984. Hôn nhân của ông bà được Ủy ban nhân dân xã Phú Thịnh, huyện TP, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/11/2002. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông L có quan hệ với người phụ nữ khác, bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông vẫn không thay đổi. Nay ông L yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý.

- Về con chung: Bà và ông L có 03 con chung là: Lê Kim N1, sinh năm 1985; Lê Kim D, sinh năm 1987, Lê Kim T, sinh năm 1989. Hiện nay các cháu đã thành niên và có khả năng lao động nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà N khai báo bà và ông L tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà N khai báo không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản riêng, nợ riêng: Bà N khai báo không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông L đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: Đơn khởi kiện, Sổ hộ khẩu của các đương sự (Bản sao); Giấy chứng minh nhân dân của ông L (Bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (Bản sao); Quyết định đình chỉ số 79/2016/QĐST-HNGĐ ngày 09/8/2016. Bản sao các tài liệu, chứng cứ này nguyên đơn đã gửi cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Bản tự khai của nguyên đơn; Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của các đương sự. Tòa án đã ra thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự biết. Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, ông L không có ý kiến gì và không bổ sung gì thêm. Bà N vắng mặt đã được Tòa án ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Văn L. Ông L được ly hôn với bà Châu Bích N.

+ Về con chung: Ông L và bà N có 03 con chung là: Lê Kim N1, sinh năm 1985; Lê Kim D, sinh năm 1987, Lê Kim T, sinh năm 1989. Hiện nay các cháu đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.

+ Về tài sản chung: Ông L, bà N trình bày ông bà tự thỏa thuận nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

+ Về nợ chung: Ông L, bà N trình bày không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

+ Về án phí: Ông L phải nộp 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa ông Lê Văn L, bà Châu Bích N không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 23/3/2017, Tòa án nhân dân huyện Tân Phú nhận đơn khởi kiện của ông Lê Văn L về việc: “Ly hôn” đối với bà Châu Bích N – 1964, HKTT: Tổ 5, ấp 6, xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

[2]. Về quan hệ pháp luật:

Ông Lê Văn L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Châu Bích N. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Ly hôn".

[3]. Về tư cách tham gia tố tụng:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/3/2017, ông Lê Văn L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Châu Bích N. Căn cứ theo Khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định ông L là nguyên đơn, bà N là bị đơn trong vụ án.

[4]. Về nội dung vụ án:

Ông Lê Văn L và bà Châu Bích N tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 1984 và được Ủy ban nhân dân xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/11/2002. Hôn nhân của ông L, bà N thực hiện đúng pháp luật. Do đó, khi ông L có đơn yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết theo thủ tục chung về ly hôn mà Luật Hôn nhân và Gia đình quy định.

Quá trình chung sống vợ chồng ông bà sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Nên trong cuộc sống chung thường xuyên căng thẳng, cãi vã, tình cảm vợ chồng từ đó dần phai nhạt. Nay tình cảm không còn nên ông L yêu cầu ly hôn với bà Châu Bích N.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà N đến Tòa án để hòa giải nhưng bà N không đến để làm việc. Điều này thể hiện ý chí của bà N không muốn hàn gắn, đoàn tụ. Đồng thời qua xác minh tại địa phương thì thể hiện đời sống chung của vợ chồng ông bà không còn hạnh phúc. Mặt khác, tại phiên tòa hôm nay, bà N cũng đồng ý ly hôn với ông L. Vì vậy, để cả hai có điều kiện ổn

định cuộc sống nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L là cho ông được ly hôn với bà Châu Bích N là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông L và bà N có 03 con chung là: Lê Kim N1, sinh năm 1985; Lê Kim D, sinh năm 1987, Lê Kim T, sinh năm 1989. Hiện nay các cháu đã thành niên và có khả năng lao động nên ông L, bà N không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Ông L, bà N khai báo ông bà N tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi nào có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Về tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Ông L, bà N khai báo không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi nào có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Về án phí: Ông L phải nộp 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 28, 35, 39, 68, 147, 207, 235 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L.
Ông Lê Văn L được ly hôn bà Châu Bích N.
 2. Về con chung: Ông L và bà N có 03 con chung là: Lê Kim N1, sinh năm 1985; Lê Kim D, sinh năm 1987, Lê Kim T, sinh năm 1989. Hiện nay các cháu đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.
 3. Về tài sản chung, nợ chung, tài sản riêng, nợ riêng: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.
 4. Về án phí: Ông Lê Văn L phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông L đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 005577 ngày 22/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú chuyển thành án phí.
- Ông L, bà N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Ủy ban nhân dân xã PT để ghi vào sổ hộ tịch (Theo GCNKH số 133, quyền số 01/2002);
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu HS – LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thịnh

